TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP.ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Duy Cửu

Ông Nguyễn Văn Gạt

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2017 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1970; HKTT: Tổ 4, thôn T, xã N, huyện H, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ nơi cư trú: tổ 45, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đức D, sinh năm 1967; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 4, thôn T, xã N, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2017, lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng cũng như ý kiến trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn là bà Lê Thị T như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Đức D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/1992 tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ), theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/1992, ngày 31/8/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà riêng ở thôn T, xã N, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, ông D hay nhậu nhẹt, có hành vi bạo lực với vợ, thậm chí còn đánh cả mẹ vợ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng

không có kết quả. Từ năm 2007, bà thuê nhà sống riêng cùng hai con trai, cuối tuần mới về về nhà lo ăn uống cho ông D. Từ khi nộp đơn ly hôn đến nay, ông D vẫn không thay đổi nên bà không còn về nhà, không còn quan tâm đến cuộc sống của ông D nữa. Bà xác định không còn yêu thương ông D nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Đức D.

2. Về quan hệ con chung: Có hai con chung tên là Hoàng Đức H1, sinh ngày 02/5/1993 và Hoàng Đức H2, sinh ngày 20/7/1995. Hiện nay các con đều đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Hoàng Đức D trình bày:

Ông D thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng có nhà riêng ở thôn T, xã N, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do ông muốn sửa nhà chuẩn bị cưới vợ cho con nhưng bà T và các con không đồng ý. Bản thân ông làm việc trên rừng nên buổi tối hay uống rượu, lúc nóng giận ông có đánh vợ còn bình thường ông vẫn đi làm lo cho con ăn học. Mặc dù bà T thuê nhà sống riêng nhưng cuối tuần vẫn về lo ăn uống cho ông. Các con đã lớn, ông đã có tuổi nên mong bà T suy nghĩ lại để vợ chồng chăm sóc lúc về già. Ông vẫn còn yêu thương bà T nên xin Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ. Các con Hoàng Đức H1, sinh ngày 02/5/1993 và Hoàng Đức H2, sinh ngày 20/7/1995 đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng ông không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông D. Về con chung: Không đề cập giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Bản sao trích lục kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân bà T; bản sao sổ hộ khẩu tên chủ hộ Hoàng Đức D; bản sao trích lục khai sinh con Hoàng Đức H1; bản sao giấy khai sinh con Hoàng Đức H2; biên lai thu tạm ứng án phí số 6576; bản tự khai của bà T, biên bản lấy lời khai bà T và ông D, 02 đơn xác nhận mâu thuẫn vợ chồng.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết các bên đã thống nhất:

Về thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn: Ông D và bà T đăng ký kết hôn ngày 31/8/1992 tại UBND xã N, huyện H, thành phố Đà Nẵng (giấy chứng nhận kết hôn số 15/1992).

Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Hoàng Đức D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, không ai xuất trình thêm chứng cứ, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Thủ tục tố tụng đã đảm bảo nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T ông Hoàng Đức D đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/1992 tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ), theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/1992, ngày 31/8/1992 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên có giá trị pháp lý. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông D thường xuyên uống rượu, bạo lực với vợ, cả hai đã ly thân nhiều năm, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể níu kéo được nữa. Ông D xin đoàn tụ nhưng không có biểu hiện thay đổi bản thân, không thể hiện quyết tâm gàn hắn tình cảm vợ chồng để bà T chấp thuận quay lại cùng nhau chung sống nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông D.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên là Hoàng Đức H1, sinh ngày 02/5/1993 và Hoàng Đức H2, sinh ngày 20/7/1995. Hiện nay các con đều đủ 18 tuổi và phát triển bình thường, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Các bên xác nhận không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6576 ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Hoàng Đức D.

2. Về nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6576 ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã N, Huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG